TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20-6-2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Nam Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hữu Tới.

Bà Nguyễn Thị Mai Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 11/2023/HNGĐ-ST ngày 02/3/2023 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 30/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/5/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Trương Văn C, sinh năm 1988

Địa chỉ: khu phố Đ, phường Đ, TX B, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Chị Ngô Thị Ánh H, sinh năm 1988

Địa chỉ: thôn Đ, xã L, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Nơi cư trú hiện nay: Đài Loan

Tại phiên tòa vắng mặt anh C (đã có đơn xin vắng mặt), chị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là anh Trương Văn C trình bày:

1. Về hôn nhân: Anh và chị Ngô Thị Ánh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 18/11/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị về chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng tính cách và quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn với nhau. Đến năm 2017, anh C đi làm ăn ở Đài Loan, từ khi đi Đài Loan anh chị không quan tâm đến nhau. Đến tháng 6/2022, chị H đi Đài

Loan làm ăn nhưng hai vợ chồng anh chị không gặp nhau. Cuối năm 2022, anh C trở về Việt Nam, chị H vẫn ở bên Đài Loan. Vợ chồng anh chị sống ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai. Nay anh C xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không còn tồn tại nên đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa giải quyết để được ly hôn với chị Ngô Thị Ánh H.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung, tên là Trương Gia H1, sinh ngày 22/8/2009 và Trương Anh T, sinh ngày 20/01/2013. Ly hôn anh C đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi cả hai con và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

3. Về tài sản chung và công nợ chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Anh C trình bày không biết địa chỉ cụ thể của chị Ngô Thị Ánh H tại Đài Loan nên không thể cung cấp cho Tòa án. Chị H vẫn thường xuyên liên lạc với bố mẹ đẻ là ông Ngô Mạnh H2 và bà Phạm Thị B, địa chỉ tại thôn Đ, xã L, huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Đề nghị Tòa án tiến hành thu thập thêm thông tin từ bố mẹ chị H.

* Tại buổi xác minh tại gia đình chị Ngô Thị Ánh H, Tòa án tiến hành lấy lời khai của ông Ngô Mạnh H2 và bà Phạm Thị B. Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/5/2023, ông H2 và bà B trình bày:

Ông bà là bố mẹ đẻ của chị Ngô Thị Ánh H và là bố mẹ vợ anh Trương Văn C. Chị H và anh C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đ, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa vào năm 2008. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống tại khu phố Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa. Vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì anh C đi nước ngoài để làm việc, chị H ở nhà. Hai vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn với nhau vào thời gian đó, tuy nhiên lý do vợ chồng mâu thuẫn với nhau thì ông bà không được biết. Đến tháng 8/2022, chị H đi nước ngoài xuất khẩu lao động, đến khoảng tầm tháng 11, tháng 12/2022, anh C về nước và có đến nhà ông bà để thăm con nhưng không thấy nói gì về việc ly hôn. Ông bà chỉ được biết việc ly hôn thông qua chị H, chị H cũng nói là đồng ý ly hôn với anh C.

Nay anh C làm đơn xin ly hôn với chị H thì quan điểm của ông bà là để anh chị tự quyết định. Về con chung, anh chị có hai con chung như anh C trình bày là đúng. Hiện ông bà đang nuôi cháu T, còn cháu H1 thì ở với bố. Nếu anh chị ly hôn thì ông bà đề nghị Tòa án giao cả hai con cho anh C nuôi dưỡng, chị H không phải đóng góp nuôi con chung cùng anh C. Về tài sản và công nợ chung, anh C không đề nghị xem xét, nên ông bà cũng không có ý kiến gì. Hiện ông bà không biết địa chỉ cụ thể của chị H ở Đài Loan nên không thể cung cấp cho Tòa án, tuy nhiên chị H vẫn thường xuyên liên lạc với ông bà qua điện thoại. Ông bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và sẽ có trách nhiệm thông báo cho chị H biết.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tại phiên tòa:

Quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

Về nội dung: Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận đơn khởi kiện của anh Trương Văn C, xử cho anh C được ly hôn chị H. Về con chung: giao cả hai con cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và công nợ chung: không xem xét giải quyết. Về án phí: anh C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền của Tòa án:

Anh Trương Văn C là nguyên đơn đang cư trú tại tỉnh Thanh Hóa, bị đơn là chị Ngô Thị Ánh H có đăng ký hộ khẩu tại huyện H, tỉnh Thanh Hóa nhưng hiện nay đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan. Trong vụ án này bị đơn cư trú ở nước ngoài, tuy nhiên bị đơn có nơi cư trú cuối cùng tại huyện H, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

[1.2] Về việc tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn:

Anh C chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của chị H ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ của chị H tại nước ngoài. Tòa án đã yêu cầu nhưng bố mẹ đẻ của chị H trình bày không biết địa chỉ chị H ở Đài Loan. Tuy nhiên, chị H vẫn thường xuyên liên lạc về cho ông bà, vậy nên bố mẹ đẻ chị H là ông Ngô Mạnh H2 và chị Phạm Thị B vẫn nhận các văn bản tố tụng để thông báo cho chị H, vì vậy, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục bị đơn cố tình giấu địa chỉ.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự:

Tại phiên tòa, vắng mặt nguyên đơn anh Trương Văn C, anh C đã có đơn xin xử vắng mặt, bị đơn chị Ngô Thị Ánh H vắng mặt mặc dù đã được Tòa án tống đạt văn bản tố tụng qua người thân đến lần thứ hai. Do đó, HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS, xét xử vắng mặt anh Trương Văn C và chị Ngô Thị Ánh H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: anh Trương Văn C và chị Ngô Thị Ánh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp.

Trong lời khai, các tài liệu có liên quan trong vụ án, anh C trình bày: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do hai vợ chồng có tính cách không hợp nhau nên không chung sống được với nhau. Vợ chồng anh chị sống ly thân đã lâu, mỗi người một nơi, không còn tình cảm với nhau, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn lại

được nữa. Hiện anh C đang sống tại thị xã B, tỉnh Thanh Hóa, chị H sống và làm việc ở Đài Loan. Anh C không cung cấp được địa chỉ nơi sống và làm việc của chị H tại Đài Loan cho Tòa án. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh C và chị H đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng sống ly thân đã lâu, không ai quan tâm đến ai, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho anh Trương Văn C được ly hôn với chị Ngô Thị Ánh H.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung, tên là Trương Gia H1, sinh ngày 22/8/2009 và Trương Anh T, sinh ngày 20/01/2013. Ly hôn anh C đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi cả hai con và không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Cháu T có đơn đề nghị được ở với mẹ, cháu H1 đề nghị được ở với bố. Xét thấy, hiện nay chị H đang ở nước ngoài, thông qua bố mẹ chị H thì chị H cũng đồng ý để cho anh C nuôi cả hai con, do đó chấp nhận yêu cầu của anh C, giao cả hai con cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh C không yêu cầu là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản và công nợ chung: Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét. Chị H không có văn bản thể hiện quan điểm giải quyết về tài sản và công nợ chung nên nếu sau này chị H có yêu cầu thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí: Anh Trương Văn C là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Trương Văn C:

- Về hôn nhân: Cho anh Trương Văn C được ly hôn với chị Ngô Thị Ánh H.

- Về con chung: Giao hai cháu Trương Gia H1 sinh ngày 22/8/2009 và Trương Anh T sinh ngày 20/01/2013 cho anh Trương Văn C trực tiếp nuôi dưỡng, chị Ngô Thị Ánh H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng anh C. Chị H có quyền qua lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

2. Về án phí: Anh Trương Văn C phải chịu án phí DSST về việc ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp (do chị Nguyễn Thị H3 nộp thay) là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai

thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0000323 ngày 01/3/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa, anh C đã nộp đủ án phí DSST.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa (P9);
- Cục THADS tỉnh Thanh Hóa;
- UBND phường Đ, TX B, tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu HSVA, Tòa GĐ&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Nam Tiến